TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 156/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 10-02-2022.
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Túy Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Cảnh

2. Bà Nguyễn Phước Trinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hằng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi tham gia phiên toà: Không.

Trong ngày 10 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1288/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 367/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc Bảo Kh, sinh năm 1978

Địa chỉ: Số 11/12, đường CH, Tổ 61, Phường 6, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông Phạm Hoàng A, sinh năm 1976

Địa chỉ: Đường số 03, ấp BS, xã TTH, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ghi ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Nguyễn Ngọc Bảo Kh trình bày như sau:

Bà và ông A tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 6, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh, theo giấy chứng nhận kết hôn số 129 ngày 30/7/2003.

Thời gian đầu, bà và ông Hoàng A sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2017, bà và ông Hoàng A bất đồng về quan điểm sống và trong cách giáo dục con chung nên thường xuyên cãi vã, dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống gia đình không hạnh phúc. Bà và ông Hoàng A không có tiếng nói chung và cũng không còn quan tâm đến nhau nữa, bà và ông Hoàng A đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Bà nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Hoàng A.

Về con chung: Bà và ông A có 02 con chung: Phạm Anh Th, sinh ngày 14/12/2004 và Phạm Gia H, sinh ngày 17/9/2009. Hiện con chung đang sinh sống cùng bà. Bà đang có công việc là thợ may, làm việc tự do tại nhà, mỗi tháng thu nhập khoảng 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Bà xin trực tiếp nuôi con chung. Bà tự nguyện không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà xác định không có.

Về nợ chung: Bà xác định không có.

Bị đơn ông Phạm Hoàng A đã được Toà án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ 02 mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Căn cứ đơn xin ly hôn ghi ngày 23 tháng 9 năm 2020, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là tranh chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn ông Phạm Hoàng A có nơi cư trú tại đường số 03, ấp BS, xã TTH, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện CC.

Tòa án đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, tiến hành triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Kh:

Bà Kh và ông A tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 6, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh, theo giấy chứng nhận kết hôn số 129 ngày 30/7/2003, nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét mâu thuẫn phát sinh: Bà Kh trình bày vào năm 2017, bà và ông Hoàng A bất đồng về quan điểm sống và trong cách giáo dục con chung nên thường xuyên cãi vã, dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống gia đình không hạnh

phúc. Bà và ông Hoàng A không có tiếng nói chung và cũng không còn quan tâm đến nhau nữa nên bà và ông Hoàng A đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để tạo điều kiện cho các đương sự hàn gắn tình cảm, đồng thời giải quyết các mâu thuẫn phát sinh. Tuy nhiên, bị đơn ông A vắng mặt, không gửi văn bản trình bày ý kiến của ông đối với vụ kiện. Qua đó đã thể hiện ông A không có nguyện vọng đoàn tụ và hàn gắn quan hệ vợ chồng. Đồng thời, bà Kh xác định bà và ông A đã sống ly thân từ năm 2017. Xét thấy, bà Kh và ông A không còn tạo điều kiện cho nhau để thực hiện quyền, nghĩa vụ vợ chồng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn kéo dài, đời sống chung trên thực tế không còn tồn tại. Do vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở.

[3]. Về con chung: Bà Kh và ông A có 02 con chung tên Phạm Anh Th, sinh ngày 14/12/2004 và Phạm Gia H, sinh ngày 17/9/2009. Qua tham khảo ý kiến về nguyện vọng của cháu Th và cháu H thì các cháu có nguyện vọng sống cùng bà Kh. Bà Kh xin trực tiếp nuôi con chung. Do ông A vắng mặt nên không thể hiện ý kiến của ông A đối với con chung. Bà Kh có công việc ổn định, có khả năng về kinh tế để chăm lo cho con. Bên cạnh đó, cháu Th và cháu H cũng đang sinh sống cùng bà Kh, nhằm tạo điều kiện để cháu Th và cháu H phát triển bình thường cũng như đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu, Hội đồng xét xử xét căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Th và cháu H cho bà Kh trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Kh không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà Kh không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 và khoản 2 Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng con chung.

Ông A có quyền, nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

[5]. Về tài sản chung: Bà Kh xác định không có. Về nợ chung: Bà Kh xác định không có. Bà Kh không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp. Bị đơn ông A vắng mặt tại phiên tòa, nếu có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

[6]. Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự , Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; buộc nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo quy định là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118, 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

1. Về quan hệ hôn nhân:

Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Ngọc Bảo Kh và ông Phạm Hoàng A.

2. Về con chung: Giao bà Kh trực tiếp nuôi 02 con chung tên Phạm Anh Th, sinh ngày 14/12/2004 và Phạm Gia H, sinh ngày 17/9/2009. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Kh không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 và khoản 2 Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng con chung.

Ông A có quyền, nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

3. Về tài sản chung: Bà Kh xác định không có. Về nợ chung: Bà Kh xác định không có. Do ông A vắng mặt, nếu ông A có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

4. Về án phí:

- Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà Kh phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Kh đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0085013 ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CC. Bà Kh đã nộp đủ tiền án phí.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi;
- UBND Phường 6, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Túy Phượng